

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03-06-2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Xoan và Bà Mai Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2026/TLST-HN&GD ngày 02 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị C; sinh năm 2001; số CCCD: 011301005648, ngày cấp: 20/01/2026, nơi cấp: Bộ C1; địa chỉ: Bản C, xã B, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Hà Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng Văn T1, sinh năm 1996; Số CCCD: 011096005828, ngày cấp 28/8/2022, nơi cấp: Cục C2 về TTXH; địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/2/2026, bản tự khai, chị Lò Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Giàng Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và sống chung như vợ chồng từ năm 2016, đến ngày 12/3/2019 thì đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là UBND xã T, tỉnh Điện Biên), kết

hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị C và anh T1 sống với nhau đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, sống chung nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm không còn nên chị C viết đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh Giàng Văn T1.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Giàng Văn K, sinh ngày 13/01/2017 và Giàng Thị T2, sinh ngày 25/9/2018. Khi ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy 02 con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị C không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

* Về phía bị đơn anh Giàng Văn T1: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và triệu tập anh T1, nhưng anh T1 không đến. Tòa án đã đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để xác minh thì được trưởng bản anh Thào Văn L cho biết: Anh Giàng Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, tỉnh Điện Biên; Hiện tại anh T1 đang đi làm thuê, công việc anh T1 làm gì, địa chỉ chỗ làm thuê không ai biết, thỉnh thoảng có việc thì T1 có về vài ngày rồi đi tiếp. Do vậy Tòa án đã tiến hành lập các biên bản xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh T1 vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 22/4/2026, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, Tòa án đã niêm yết văn bản nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 22/4/2026, chị C đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2026 và đã niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật, anh Giàng Văn T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 03/6/2026, chị Lò Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện. Anh T1 vắng mặt lần 2 không lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị C: Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của chị C về ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho chị C được ly hôn với anh T1; về con chung: Đề nghị giao cháu 02 con chung là cháu Giàng Văn K, sinh ngày 13/01/2017 và Giàng Thị T2, sinh ngày 25/9/2018 cho chị C trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Giàng Văn T1, nhưng anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), anh T1 đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 22/4/2026 chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn chị Lò Thị C, được Tòa án triệu tập họp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Giàng Văn T1 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị C và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và sống chung như vợ chồng từ năm 2016, đến ngày 12/3/2019 thì đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là UBND xã T, tỉnh Điện Biên), kết hôn hoàn toàn tự nguyện cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lò Thị C khai, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, sống chung nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tình trạng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị C về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Lò Thị C và anh Giàng Văn T1 không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị C.

[4] Về con chung:

Chị Lò Thị C và anh Giàng Văn T1 có 02 con chung là cháu Giàng Văn K, sinh ngày 13/01/2017 và Giàng Thị T2, sinh ngày 25/9/2018. Tại Đơn đề nghị xác nhận cũng như bản tự khai của chị Lò Thị C tất cả đều thể hiện, chị Lò Thị C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu T2, chị C có nhà cửa ổn định (ở cùng bố mẹ đẻ), có thu nhập từ việc làm thuê từ 9.000.000đ đến 10.000.000đồng/01 tháng. Theo lời trình bày thì anh T1 có đi làm nhưng không quan tâm, liên lạc, chăm sóc con. Xét thấy, Chị C có nhà ở, thu nhập ổn định và cháu K, cháu T2 đều có nguyện vọng ở với mẹ, do đó nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 K và T2 là phù hợp nên cần giao 02 cháu cho chị Lò Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Giàng Văn K, sinh ngày 13/01/2017 và Giàng Thị T2, sinh ngày 25/9/2018 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí,

nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, Điều 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị C.

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị C được ly hôn với anh Giàng Văn T1.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Giàng Văn K, sinh ngày 13/01/2017 và cháu Giàng Thị T2, sinh ngày 25/9/2018 cho chị Lò Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Giàng Văn T1 có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Thị Xoan

Mai Thị Lượng

Bùi Thanh Tuấn